

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP
(Tính đến ngày 02/10/2020)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		14801	2106	16907
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	17C1-ĐCN1	19	0	19
2	17C1-ĐCN2	12	0	12
3	17C1-ĐCN3	13	0	13
4	17C1-ĐCN4	17	0	17
5	17C1-ĐĐT1	11	0	11
6	17C1-ĐĐT2	10	0	10
7	17C1-ĐĐT3	16	0	16
8	17C1-ĐĐT4	18	1	19
9	17C1-ĐTC1	3	0	3
10	17C1-CĐT1	15	0	15
11	17C1-TĐH1	12	0	12
12	17C1-KML1	7	0	7
13	17C1-KML2	14	0	14
14	17C1-VSL1	9	0	9
15	17C1-VSL2	19	0	19
16	17C1-CNL1	11	0	11
17	17C1-CCK1	15	0	15
18	17C1-CCK2	17	0	17
19	17C1-CCK3	17	0	17
20	17C1-CCK4	23	1	24
21	17C1-CCK5	21	0	21
22	17C1-CCK6	15	0	15
23	17C1-CCK7	24	0	24
24	17C1-CCK8	10	0	10
25	17C1-CTM1	17	0	17
26	17C1-CTM2	9	0	9
27	17C1-BCN1	11	0	11
28	17C1-CNÔ1	7	0	7
29	17C1-CNÔ2	8	0	8
30	17C1-CNÔ3	10	0	10
31	17C1-CNÔ4	11	1	12
32	17C1-CNÔ5	14	0	14
33	17C1-CNÔ6	10	0	10
34	17C1-CNÔ7	12	0	12
35	17C1-CNÔ8	6	0	6

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
36	17C1-CNÔ9	14	0	14
37	17C1-CNÔ10	17	0	17
38	17C1-CNÔ11	7	0	7
39	17C1-CNÔ12	15	0	15
40	17C1-CNÔ13	8	0	8
41	17C1-CNÔ14	11	0	11
42	17C1-CNM1	1	3	4
43	17C1-CNM2	0	1	1
44	17C1-ANM1	6	0	6
45	17C1-CMT1	20	0	20
46	17C1-TKW1	5	0	5
47	17C1-THU1	7	0	7
48	17C1-LTM1	4	0	4
49	17C1-LTM2	8	0	8
50	17C1-QTM1	6	1	7
51	17C1-KTD1	1	4	5
52	17C1-QTD1	8	1	9
53	17C1-NNA1	0	5	5
54	Khóa 2014CĐ (Nợ môn)	5	0	5
55	Khóa 2015CĐ (Nợ môn)	286	6	292
56	Khóa 2016CĐ (Nợ môn)	350	15	365
Tổng số		1242	39	1281
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	18C1-ĐCN1	40	0	40
2	18C1-ĐCN2	45	0	45
3	18C1-ĐCN3	35	0	35
4	18C1-ĐCN4	44	0	44
5	18C1-ĐĐT1	37	0	37
6	18C1-ĐĐT2	37	1	38
7	18C1-ĐĐT3	44	0	44
8	18C1-CĐT1	57	1	58
9	18C1-TĐH1	62	0	62
10	18C1-KML1	40	0	40
11	18C1-KML2	33	0	33
12	18C1-VSL1	38	0	38
13	18C1-VSL2	35	0	35
14	18C1-VSL3	36	0	36
15	18C1-CNL1	47	0	47
16	18C1-CCK1	51	0	51
17	18C1-CCK2	51	0	51
18	18C1-CCK3	52	0	52
19	18C1-CCK4	43	1	44
20	18C1-CCK5	52	0	52
21	18C1-CCK6	52	0	52
22	18C1-CCK7	50	0	50

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
23	18C1-CTM1	48	1	49
24	18C1-CKL1	19	0	19
25	18C1-BCN1	20	0	20
26	18C1-CNÔ1	49	0	49
27	18C1-CNÔ2	42	0	42
28	18C1-CNÔ3	43	0	43
29	18C1-CNÔ4	44	0	44
30	18C1-CNÔ5	46	1	47
31	18C1-CNÔ6	40	0	40
32	18C1-CNÔ7	46	0	46
33	18C1-CNÔ8	49	0	49
34	18C1-CNÔ9	46	0	46
35	18C1-CNÔ10	48	0	48
36	18C1-CNÔ11	45	0	45
37	18C1-CNÔ12	53	0	53
38	18C1-CNÔ13	48	0	48
39	18C1-CNÔ14	44	1	45
40	18C1-CNÔ15	38	1	39
41	18C1-CNÔ16	42	0	42
42	18C1-CNÔ17	41	0	41
43	18C1-CNM1	4	52	56
44	18C1-CMT1	39	0	39
45	18C1-TKĐ1	44	7	51
46	18C1-TMĐ1	9	2	11
47	18C1-THU1	25	2	27
48	18C1-LTM1	32	1	33
49	18C1-LTM2	32	0	32
50	18C1-QTM1	30	4	34
51	18C1-KTD1	6	29	35
52	18C1-KTD2	3	37	40
53	18C1-QTD1	24	24	48
54	18C1-NNA1	26	20	46
55	18C1-KXD1	52	0	52
Tổng số		2158	185	2343

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	19C1-ĐCN1	57	0	57
2	19C1-ĐCN2	49	0	49
3	19C1-ĐCN3	32	0	32
4	19C1-ĐĐT1	51	2	53
5	19C1-ĐĐT2	57	0	57
6	19C1-ĐĐT3	38	2	40
7	19C1-CĐT1	44	1	45
8	19C1-TĐH1	61	0	61
9	19C1-KML1	54	0	54
10	19C1-KML2	31	1	32

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
11	19C1-VSL1	55	0	55
12	19C1-VSL2	51	0	51
13	19C1-LĐL1	23	0	23
14	19C1-CNL1	50	0	50
15	19C1-CCK1	54	1	55
16	19C1-CCK2	53	0	53
17	19C1-CCK3	49	0	49
18	19C1-CCK4	49	0	49
19	19C1-CCK5	57	0	57
20	19C1-CCK6	52	0	52
21	19C1-CTM1	66	0	66
22	19C1-BCN1	35	0	35
23	19C1-CNÔ1	54	1	55
24	19C1-CNÔ2	50	0	50
25	19C1-CNÔ3	49	0	49
26	19C1-CNÔ4	54	0	54
27	19C1-CNÔ5	57	0	57
28	19C1-CNÔ6	51	0	51
29	19C1-CNÔ7	49	0	49
30	19C1-CNÔ8	51	0	51
31	19C1-CNÔ9	47	1	48
32	19C1-CNÔ10	55	0	55
33	19C1-CNÔ11	54	0	54
34	19C1-CNÔ12	54	0	54
35	19C1-CNÔ13	54	0	54
36	19C1-CNÔ14	55	0	55
37	19C1-CNÔ15	37	0	37
38	19C1-CNM1	6	34	40
39	19C1-ANM1	18	1	19
40	19C1-CMT1	43	0	43
41	19C1-TKĐ1	48	10	58
42	19C1-TKĐ2	43	4	47
43	19C1-TKW1	32	3	35
44	19C1-LTM1	64	0	64
45	19C1-QTM1	48	2	50
46	19C1-LGT1	22	6	28
47	19C1-KTD1	21	54	75
48	19C1-QTD1	52	30	82
49	19C1-NNA1	30	29	59
50	19C1-KXD1	32	0	32
Tổng số		2298	182	2480
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	33	0	33
2	19C3-CNÔ1	29	0	29
3	19C3-CNÔ2	31	0	31
Tổng số		93	0	93

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2019				
Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	18	0	18
Tổng số		18	0	18
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	20C1-ĐCN1	58	0	58
2	20C1-ĐCN2	59	0	59
3	20C1-ĐĐT1	58	0	58
4	20C1-ĐĐT2	34	1	35
5	20C1-ĐTC1	12	0	12
	20C1-ĐTT1	5	0	5
6	20C1-CĐT1	58	0	58
7	20C1-CĐT2	14	0	14
8	20C1-TĐH1	57	1	58
9	20C1-TĐH2	10	0	10
10	20C1-KML1	58	0	58
11	20C1-KML2	20	0	20
12	20C1-VSL1	58	0	58
	20C1-VSL2	9	0	9
13	20C1-LĐL1	35	0	35
14	20C1-CNL1	58	0	58
15	20C1-CNL2	47	0	47
16	20C1-CCK1	58	0	58
17	20C1-CCK2	57	0	57
18	20C1-CCK3	58	0	58
19	20C1-CCK4	58	0	58
20	20C1-CCK5	58	0	58
21	20C1-CCK6	8	0	8
22	20C1-CTM1	58	0	58
23	20C1-CTM2	57	1	58
24	20C1-CTM3	16	0	16
25	20C1-CKL1	19	0	19
26	20C1-CTK1	20	0	20
27	20C1-BCN1	23	0	23
28	20C1-CNÔ1	59	0	59
29	20C1-CNÔ2	57	1	58
30	20C1-CNÔ3	59	0	59
31	20C1-CNÔ4	58	0	58
32	20C1-CNÔ5	58	0	58
33	20C1-CNÔ6	58	0	58
34	20C1-CNÔ7	58	0	58
35	20C1-CNÔ8	58	0	58
36	20C1-CNÔ9	58	0	58
37	20C1-CNÔ10	58	0	58
38	20C1-CNÔ11	59	0	59

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
39	20C1-CNÔ12	59	0	59
40	20C1-CNÔ13	59	0	59
41	20C1-CNÔ14	60	0	60
42	20C1-CNM1	4	17	21
43	20C1-KLB1	6	6	12
	20C1-MTT1	0	3	3
44	20C1-ANM1	11	1	12
45	20C1-CMT1	38	1	39
46	20C1-TKĐ1	49	9	58
47	20C1-TKĐ2	50	6	56
48	20C1-TKW1	32	2	34
49	20C1-TMĐ1	12	4	16
50	20C1-TMT1	11	1	12
51	20C1-THU1	11	2	13
52	20C1-ĐHĐ1	13	3	16
53	20C1-LTM1	57	1	58
54	20C1-LTM2	14	1	15
55	20C1-QTM1	27	1	28
56	20C1-TCD1	10	5	15
57	20C1-LGT1	16	2	18
58	20C1-KTD1	12	42	54
59	20C1-QTD1	26	21	47
	20C1-QDL1	2	1	3
60	20C1-QKS1	13	18	31
	20C1-QLH1	5	0	5
61	20C1-QNH1	12	7	19
62	20C1-NNA1	26	29	55
63	20C1-KXD1	32	0	32
64	20C1-QXD1	13	0	13
Tổng số		2460	187	2647
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	20C3-ĐCN1	12	0	12
2	20C3-ĐĐT1	13	0	13
	20C3-CĐT1	9	0	9
3	20C3-CNL1	14	0	14
4	20C3-CCK1	40	0	40
5	20C3-CTM1	16	0	16
6	20C3-CNÔ1	36	0	36
7	20C3-CNÔ2	36	0	36
8	20C3-CNÔ3	36	0	36
	20C3-CNM1	0	9	9
9	20C3-LTM1	12	0	12
	20C3-QTM1	1	0	1
	20C3-KTD1	2	5	7
10	20C3-QTD1	3	7	10
Tổng số		230	21	251

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Chất lượng cao song hành Vinfast				
1	20C5-CĐT1	30	0	30
2	20C5-CNÔ1	35	0	35
Tổng số		65	0	65
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2020				
Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật				
1	20C6-CNÔ1	33	0	33
2	20C6-CNÔ2	34	0	34
3	20C6-CNÔ3	35	0	35
4	20C6-CNÔ4	34	0	34
Tổng số		136	0	136
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2020				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	18C2-ĐĐT1	18	0	18
2	18C2-CNÔ1	11	0	11
3	18C2-QTM1	17	0	17
4	18C2-CNL1	5	0	5
	18C2-KTD1	0	1	1
5	18C2-CCK1	15	0	15
	18C2-CNM1	1	7	8
	Khóa 2015CĐLT (Nợ môn)	1	0	1
	Khóa 2017C2 (Nợ môn)	17	0	17
Tổng số		85	8	93
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	19C2-ĐĐT1	38	0	38
	19C2-ĐĐT3	47	0	47
2	19C2-CNL1	14	0	14
	19C2-CNL3	18	0	18
3	19C2-CCK1	36	0	36
	19C2-CCK3	10	0	10
4	19C2-CNÔ1	47	0	47
5	19C2-CNÔ2	15	0	15
	19C2-CNÔ3	40	0	40
6	19C2-CNM1	1	7	8
	19C2-CNM2	2	8	10
7	19C2-KTD1	0	18	18
	19C2-KTD3	0	1	1
8	19C2-QTD1	3	12	15
	19C2-QTD3	1	5	6
9	19C2-QTM1	40	1	41
	19C2-QTM3	35	9	44
Tổng số		347	61	408

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	20C2-ĐĐT1	21	0	21
2	20C2-CNL1	6	0	6
3	20C2-CCK1	8	0	8
4	20C2-CNÔ1	30	0	30
5	20C2-QTM1	4	0	4
6	20C2-KTD1	1	2	3
7	20C2-QTD1	1	1	2
Tổng số		71	3	74
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015CĐN (Nợ môn)	12	1	13
2	Khóa 2016CĐN (Nợ môn)	9	5	14
Tổng số		21	6	27
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2018				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp_2N3				
1	Khóa 2014TC Trung cấp (Nợ môn)	61	3	64
2	Khóa 2015TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	48	0	48
3	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	70	2	72
Tổng số		179	5	184
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	Khóa 2015TC (Nợ môn)	19	0	19
2	Khóa 2016TC (Nợ môn)	37	16	53
Tổng số		56	16	72
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	105	22	127
2	Khóa 2016TCN (Nợ môn)	141	16	157
Tổng số		246	38	284
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	19T2-ĐCN1	34	0	34
2	19T2-CCK1	26	0	26
3	19T2-CNÔ1	63	0	63
4	19T2-QTM1	45	7	52
5	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	41	2	43
6	Khóa 2018T2 Trung cấp (Nợ môn)	18	0	18
Tổng số		227	9	236

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
	20T2-ĐCN1	3	0	3
	20T2-ĐĐT1	1	0	1
	20T2-CĐT1	2	0	2
	20T2-VSL1	3	0	3
	20T2-CNL1	1	0	1
	20T2-CCK1	6	0	6
	20T2-CKC1	3	0	3
	20T2-CNÔ1	11	0	11
	20T2-KLB1	0	1	1
	20T2-CMT1	2	0	2
	20T2-TKĐ1	2	0	2
	20T2-TKW1	1	0	1
	20T2-LTM1	1	0	1
	20T2-QNH1	1	2	3
	20T2-NNA1	1	1	2
	20T2-KXD1	1	0	1
Tổng số		39	4	43
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	17T4-ĐCN1	42	0	42
2	17T4-ĐĐT1	31	1	32
3	17T4-ĐTC1	13	1	14
4	17T4-LĐL1	43	0	43
5	17T4-CNL1	28	0	28
6	17T4-CCK1	50	0	50
7	17T4-CKL1	13	0	13
8	17T4-CNÔ1	46	0	46
9	17T4-CNÔ2	34	0	34
10	17T4-CNÔ3	37	0	37
11	17T4-CNM1	4	24	28
12	17T4-CMT1	20	0	20
13	17T4-TKW1	20	0	20
14	17T4-THU1	34	13	47
15	17T4-LTM1	29	2	31
16	17T4-QTM1	40	3	43
17	17T4-KTD1	5	30	35
18	17T4-QTD1	25	19	44
19	17T4-NNA1	22	29	51
Tổng số		536	122	658
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	18T4-ĐCN1	50	0	50
2	18T4-ĐĐT1	38	0	38
3	18T4-CĐT1	36	0	36



STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
4	18T4-KML1	33	0	33
5	18T4-VSL1	42	0	42
6	18T4-VSL2	40	0	40
7	18T4-CCK1	58	0	58
8	18T4-CKC1	25	0	25
9	18T4-CNÔ1	39	0	39
10	18T4-CNÔ2	43	0	43
11	18T4-CNÔ3	41	0	41
12	18T4-CNÔ4	46	0	46
13	18T4-CNÔ5	36	0	36
14	18T4-CNM1	7	38	45
15	18T4-ANM1	30	3	33
16	18T4-CMT1	48	0	48
17	18T4-TKĐ1	30	12	42
18	18T4-TKĐ2	24	8	32
19	18T4-TKW1	25	5	30
20	18T4-THU1	31	11	42
21	18T4-LTM1	32	1	33
22	18T4-LTM2	26	4	30
23	18T4-QTM1	43	1	44
24	18T4-TCD1	7	9	16
25	18T4-KTD1	7	39	46
26	18T4-QTD1	11	24	35
27	18T4-QTD2	11	23	34
28	18T4-NNA1	17	24	41
29	18T4-NNA2	12	30	42
30	18T4-NNA3	16	22	38
31	18T4-KXD1	19	0	19
Tổng số		923	254	1177

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm

1	19T4-ĐCN1	39	0	39
2	19T4-ĐCN2	37	0	37
3	19T4-ĐĐT1	35	0	35
4	19T4-ĐĐT2	29	1	30
5	19T4-CĐT1	41	0	41
6	19T4-KML1	56	0	56
7	19T4-VSL1	32	0	32
8	19T4-VSL2	35	0	35
9	19T4-LĐL1	53	0	53
10	19T4-CCK1	65	0	65
11	19T4-CKC1	57	0	57
12	19T4-CKC2	30	0	30
13	19T4-CNÔ1	60	0	60
14	19T4-CNÔ2	56	0	56

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
15	19T4-CNÔ3	57	0	57
16	19T4-CNÔ4	59	0	59
17	19T4-CNÔ5	58	0	58
18	19T4-CNM1	4	49	53
19	19T4-ANM1	25	2	27
20	19T4-ANM2	30	2	32
21	19T4-CMT1	56	1	57
22	19T4-CMT2	28	2	30
23	19T4-TKĐ1	40	20	60
24	19T4-TKĐ2	37	28	65
25	19T4-TKW1	49	10	59
26	19T4-TMĐ1	13	12	25
27	19T4-THU1	41	16	57
28	19T4-LTM1	56	6	62
29	19T4-LTM2	53	3	56
30	19T4-QTM1	57	4	61
31	19T4-LGT1	21	8	29
32	19T4-TCD1	19	19	38
33	19T4-KTD1	4	51	55
34	19T4-KTD2	19	33	52
35	19T4-QTD1	24	33	57
36	19T4-NNA1	21	34	55
37	19T4-NNA2	15	37	52
38	19T4-NNA3	25	31	56
39	19T4-KXD1	30	2	32
Tổng số		1466	404	1870

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm

1	20T4-ĐCN1	45	0	45
2	20T4-ĐCN2	40	0	40
3	20T4-ĐĐT1	54	0	54
4	20T4-CĐT1	41	0	41
5	20T4-CĐT2	38	0	38
6	20T4-TĐH1	40	0	40
7	20T4-KML1	62	0	62
8	20T4-VSL1	45	0	45
9	20T4-VSL2	42	0	42
10	20T4-LĐL1	48	0	48
11	20T4-CNL1	27	0	27
12	20T4-CCK1	57	1	58
13	20T4-CCK2	55	0	55
14	20T4-CKC1	49	0	49
15	20T4-CKC2	42	0	42
16	20T4-CKL1	24	0	24
17	20T4-CNÔ1	58	0	58

TH
NG
ÁNG
RỒI
PH
MIN

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
18	20T4-CNÔ2	57	0	57
19	20T4-CNÔ3	58	0	58
20	20T4-CNÔ4	58	0	58
21	20T4-CNÔ5	57	0	57
22	20T4-CNM1	6	42	48
23	20T4-KLB1	15	48	63
24	20T4-ANM1	35	2	37
25	20T4-CMT1	38	1	39
26	20T4-CMT2	34	0	34
27	20T4-ĐHĐ1	46	20	66
28	20T4-TKĐ1	29	22	51
29	20T4-TKĐ2	37	12	49
30	20T4-TKĐ3	35	7	42
31	20T4-TKW1	49	7	56
32	20T4-TMĐ1	24	9	33
33	20T4-THU1	56	6	62
34	20T4-LTM1	52	6	58
35	20T4-LTM2	40	1	41
36	20T4-QTM1	48	2	50
37	20T4-QTM2	34	3	37
38	20T4-LGT1	18	22	40
39	20T4-TCD1	25	36	61
40	20T4-KTD1	5	35	40
41	20T4-KTD2	8	28	36
42	20T4-QTD1	20	25	45
43	20T4-QTD2	16	25	41
44	20T4-QDL1	19	40	59
45	20T4-QKS1	24	39	63
46	20T4-QLH1	12	16	28
47	20T4-QNH1	23	35	58
48	20T4-NNA1	35	35	70
49	20T4-NNA2	37	33	70
50	20T4-KXD1	46	0	46
Tổng số		1863	558	2421

Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm(Buổi tối)

1	18T7-ĐCN1	37	2	39
Tổng số		37	2	39

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2021

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)

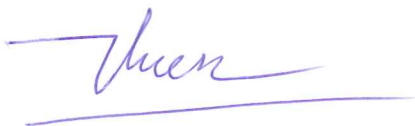
1	20T5-THU1	4	2	6
2	Khóa 2018T5 Trung cấp (Nợ môn)	1	0	1
Tổng số		5	2	7

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cao đẳng	8751		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	344		
3	Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	18		
4	Chất lượng cao song hành Vinfast	65		
5	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	136		
6	Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	575		
7	Cao đẳng nghề (12+3)	27		
8	Trung cấp chuyên nghiệp (12+2) & 2N3	184		
9	Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	72		
10	Trung cấp nghề (9+4)	284		
11	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	279		
12	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	6126		
13	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	7		
14	Trung cấp - (Tín chỉ) - 3 năm (Buổi tối)	39		
TỔNG CỘNG =		16907	352 Lớp	

Trong đó: Tuyển mới 2020-2021 = 5643

1	Cao đẳng	2647
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	251
3	Chất lượng cao song hành Vinfast	65
4	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	136
5	Cao đẳng Liên thông	74
6	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	2421
7	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	43
8	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	6

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Lê Xuân Thiện

TP. HCM, ngày 02 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



